



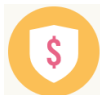
SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

## BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

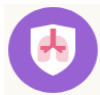
### BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

Số tiền bảo hiểm **1.500.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **24.000.000 đồng/năm**

#### BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO



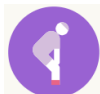
Bảo vệ trọn đời lên đến **100 tuổi**.



Nhận **375.000.000 đồng** khi mắc **ung thư nghiêm trọng**.



Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến **1.500.000.000 đồng** khi bị thương tật do tai nạn.



Nhận tối thiểu **1.500.000.000 đồng** khi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Bệnh giai đoạn cuối hoặc tử vong.



Nhận thêm **225.000.000 đồng** nếu tử vong không hút thuốc lá.



Nhận thêm **1.500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc **3.000.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt.

#### THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



Có thể đầu tư thêm lên đến **120.000.000 đồng/năm** để nhanh chóng đạt mục đích tiết kiệm.



**Linh hoạt rút tiền** cho các chi tiêu ngắn hạn  
**Linh hoạt đóng phí** từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.



Nhận **khoản thưởng hàng năm từ 12,5% - 15% phí bảo hiểm cơ bản quy năm** được đóng thêm vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 5 trở đi.



**Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy** được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết

#### DUY TRÌ LỐI SỐNG VUI KHỎE & TẬN HƯỞNG ƯU ĐÃI



Nhận **thêm lên đến 40% giá trị bảo vệ** tùy vào mức độ hoạt động sống khỏe, khi chi trả các quyền lợi bảo hiểm rủi ro.



Giúp bạn **cải thiện, nâng cao sức khỏe**. Năng động và khỏe mạnh hơn cùng với Chương Trình AIA Vitality Việt Nam.



**Tận hưởng phần thưởng hấp dẫn** với phiếu quà tặng, ưu đãi, thưởng duy trì lối sống khỏe từ Chương Trình AIA Vitality Việt Nam.

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm

# THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

## THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

## THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Bên mua bảo hiểm	Họ và tên Nguyễn Văn A	Giới tính Nam	Tuổi 29	Nghề nghiệp Văn Phòng
------------------	---------------------------	------------------	------------	--------------------------

## THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm	Đơn vị: đồng			
									Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
<i>Sản phẩm chính</i> Bảo hiểm Liên kết chung Bùng Sức Sống 10+ cùng Vitality - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao	Nguyễn Văn A	29	Nam	Văn Phòng	71	71	1.500.000.000	24.000.000				
<i>Sản phẩm bổ sung</i> ---Chưa tham gia bảo hiểm bổ sung---												

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ	-	-	-	-
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính	-	-	-	-
<b>Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ</b>	<b>24.000.000</b>	<b>12.000.000</b>	<b>6.000.000</b>	<b>2.000.000</b>

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
**Trang 2 | 22**  
Phiên bản  
Dãy số kiểm tra

# THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

## Lưu ý:

- Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ chưa bao gồm Phí quản lý và tư vấn Chương Trình AIA Vitality Việt Nam (“Phí”). Các thành viên Vitality phải đóng Phí cho AIA Wellness (Công Ty TNHH AIA Sức Sống Mới (Việt Nam)) để được tư vấn, hỗ trợ quản trị cũng như hưởng các quyền lợi thành viên.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ, (ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ (nếu có), (iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính sẽ được tính là Phí đóng thêm nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính của Năm hợp đồng hiện hành và tất cả khoản phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có), được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó
- Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính bằng thời hạn bảo hiểm. Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, hợp đồng sẽ được đảm bảo không mất hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm. Việc lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ có thể được thực hiện từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm. Khách hàng cần đóng phí đầy đủ và đúng hạn để duy trì hiệu lực của hợp đồng, nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí và gia tăng giá trị tài khoản hợp đồng (GTTK).
- Sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có tham gia): Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung có thể thay đổi hàng năm theo tuổi của người được bảo hiểm, do đó phí bảo hiểm hàng năm cũng có thể thay đổi. Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung cần được đóng đầy đủ. Nếu khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung thì phần phí này sẽ được rút từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm chính từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi để đóng phí. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung và khách hàng không đóng phí của sản phẩm bổ sung trong thời hạn gia hạn, sản phẩm bổ sung sẽ mất hiệu lực.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 3 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

## I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																		
<b>THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN</b>																			
Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu đóng thêm vào tài khoản của khách hàng như sau: <table border="1" data-bbox="631 411 2168 507"> <thead> <tr> <th>Năm hợp đồng</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>Từ 6 đến 10</th> <th>Từ 11 đến 15</th> <th>Từ 16 trở đi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td> <td>3,5%</td> <td>3,0%</td> <td>3,0%</td> <td>2,0%</td> <td>2,0%</td> <td>1,5%</td> <td>1,0%</td> <td>0,5%</td> </tr> </tbody> </table> </li> <li>Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử <a href="http://www.aia.com.vn">www.aia.com.vn</a>.</li> </ul>	Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 đến 10	Từ 11 đến 15	Từ 16 trở đi	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%	0,5%
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 đến 10	Từ 11 đến 15	Từ 16 trở đi											
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%	0,5%											
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.																		
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	<p>Một khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản bắt đầu từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9.</li> <li>15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi.</li> </ol> <p>Điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực;</li> <li>Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng; và</li> <li>Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong Năm hợp đồng nhận thưởng.</li> </ul>																		
<b>BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)</b>																			
Bệnh Ung thư	Nhận <b>375.000.000 đồng</b> khi mắc Ung thư nghiêm trọng.																		
Thương tật bộ phận do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến <b>1.500.000.000 đồng</b> .																		

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 4 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận 100% giá trị tài khoản (bao gồm cả tài khoản cơ bản và tài khoản đóng thêm) cộng với số tiền <b>1.500.000.000 đồng</b> .
Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Nhận 100% giá trị tài khoản (bao gồm cả tài khoản cơ bản và tài khoản đóng thêm) cộng với số tiền <b>1.500.000.000 đồng</b> .
Không hút thuốc lá	Nhận thêm <b>225.000.000 đồng</b> nếu vào thời điểm tử vong NDBH được xác định không hút thuốc lá.
Tử vong do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm lên đến <ul style="list-style-type: none"> <li><b>1.500.000.000 đồng</b> nếu NDBH tử vong do tai nạn; hoặc</li> <li><b>3.000.000.000 đồng</b> nếu NDBH tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt được quy định chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.</li> </ul>

## THƯỞNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ BẢO VỆ VỚI AIA VITALITY (Quyền lợi thay đổi theo mức độ sống khỏe của Khách hàng)

<p>AIA Vitality gia tăng giá trị bảo vệ khi tham gia sản phẩm này và NDBH là thành viên AIA Vitality.</p> <p>AIA Vitality có 4 Hạng Thành Viên (Đồng, Bạc, Vàng, Bạch Kim), phụ thuộc vào tổng số điểm mà thành viên tích lũy được trong mỗi năm thành viên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khi NDBH chính của sản phẩm này đăng ký là thành viên hoặc đang là thành viên có hiệu lực của Chương Trình AIA Vitality Việt Nam thì trong Năm hợp đồng đầu tiên, Khách hàng sẽ nhận ngay 20% tăng thêm của toàn bộ quyền lợi bảo hiểm, nghĩa là NDBH nhận được Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ là 20%.</li> <li>Vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng, tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ sẽ được điều chỉnh (có thể tăng hoặc giảm) tùy thuộc vào Hạng Thành Viên AIA Vitality năm trước đó.</li> <li>Thay đổi hàng năm của tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ dựa trên Hạng Thành Viên AIA Vitality như sau:</li> </ul>									
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Hạng Thành Viên AIA Vitality</th> <th>Đồng</th> <th>Bạc</th> <th>Vàng</th> <th>Bạch Kim</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thay đổi hàng năm của Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ</td> <td>Trừ 5%</td> <td>Trừ 2,5%</td> <td>Cộng 5%</td> <td>Cộng 10%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ tối đa là 40% và tối thiểu là 0%. STBH hiện tại không bị ảnh hưởng, cho dù tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ bị giảm về 0%.</li> <li>Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality chỉ được xem xét khi Tư cách Thành Viên còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm.</li> </ul>	Hạng Thành Viên AIA Vitality	Đồng	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Thay đổi hàng năm của Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ	Trừ 5%	Trừ 2,5%	Cộng 5%
Hạng Thành Viên AIA Vitality	Đồng	Bạc	Vàng	Bạch Kim						
Thay đổi hàng năm của Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ	Trừ 5%	Trừ 2,5%	Cộng 5%	Cộng 10%						

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 5 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

## HẠN MỨC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Tổng quyền lợi bảo hiểm của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, bao gồm các quyền lợi được hưởng theo sản phẩm này như sau:

- Quyền lợi liên quan đến Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo: không vượt quá mức tối đa theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ và được công bố tại trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn).
- Quyền lợi liên quan đến Tai nạn: không vượt quá mức tối đa theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ và được công bố tại trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn).

## QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Thay đổi STBH

Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ Ngày ký niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi đạt 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thẩm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm.

Thay đổi phí bảo hiểm

Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm phí bảo hiểm cơ bản kể từ ngày ký niệm hợp đồng thứ 2 trở đi nếu đáp ứng các điều kiện quy định của Công ty tại từng thời điểm.

Chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm

- Kể từ ngày Ngày ký niệm hợp đồng thứ 2 trở đi, Khách Hàng có quyền chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm từ Quyền lợi nâng cao sang Quyền lợi cơ bản, với điều kiện Tuổi của Người được bảo hiểm chưa đạt 65 tuổi tại thời điểm yêu cầu chuyển đổi.
- Khách Hàng có quyền chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm duy nhất một lần trong suốt thời hạn hợp đồng.
- Việc chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày ký niệm hợp đồng ngay sau khi yêu cầu chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm được Công Ty chấp thuận. Chi phí bảo hiểm rủi ro và các điều kiện khác sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi)

Kể từ Ngày ký niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi NĐBH đạt 65 tuổi khách hàng có thể yêu cầu tăng 25% STBH hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con hoặc nhận con nuôi mà không cần bằng chứng về sức khỏe và tài chính và tối đa 2 lần trong suốt thời hạn hợp đồng. Để được hưởng quyền lợi này, Người được bảo hiểm phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi) được quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

Rút tiền từ Giá trị tài khoản

- GTTK cơ bản: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% kể từ ngày ký niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.
  - GTTK đóng thêm: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 100% bất kỳ lúc nào.
- Số tiền rút mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Công Ty quy định tại từng thời điểm và được công bố tại trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn).

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 6 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
<b>Chi phí bảo hiểm rủi ro</b>	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NDBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
<b>Chi phí ban đầu</b>	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table border="1"><thead><tr><th>Năm đóng phí</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4+</th></tr></thead><tbody><tr><td>Phí bảo hiểm cơ bản</td><td>85%</td><td>80%</td><td>35%</td><td>0%</td></tr><tr><td>Phí đóng thêm</td><td colspan="4">0%</td></tr></tbody></table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
<b>Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHD)</b>	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table border="1"><thead><tr><th>Năm dương lịch</th><th>2023 - 2024</th><th>2025 - 2029</th><th>2030 - 2034</th><th>Từ năm 2035 trở đi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td><td>30</td><td>40</td><td>50</td><td>60</td></tr></tbody></table>	Năm dương lịch	2023 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2023 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
<b>Chi phí quản lý quỹ</b>	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
<b>Chi phí hủy bỏ hợp đồng</b>	Không có															
<b>Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản</b>	Không có															
<i>Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận</i>																

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 7 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	29	24.000			20.760	4.245	1.500.000				
2	30	24.000			19.560	4.215	1.500.000				
3	31	24.000			8.780	4.245	1.510.655		10.655		10.655
4	32	24.000			480	4.335	1.530.482		30.482		30.482
5	33	24.000			480	4.560	1.553.477	3.000	53.477		53.477
6	34	24.000			480	4.785	1.576.331	3.000	76.331		76.331
7	35	24.000			480	5.010	1.599.302	3.000	99.302		99.302
8	36	24.000			500	5.220	1.622.385	3.000	122.385		122.385
9	37	24.000			600	5.505	1.645.426	3.000	145.426		145.426
10	38	24.000			600	5.790	1.669.126	3.600	169.126		169.126
11	39	24.000			600	6.120	1.691.901	3.600	191.901		191.901
12	40	24.000			600	6.450	1.714.572	3.600	214.572		214.572
13	41	24.000			620	6.795	1.737.102	3.600	237.102		237.102
14	42	24.000			720	7.200	1.759.351	3.600	259.351		259.351
15	43	24.000			720	7.635	1.781.384	3.600	281.384		281.384
16	44	24.000			720	8.205	1.801.562	3.600	301.562		301.562
17	45	24.000			720	8.745	1.821.299	3.600	321.299		321.299
18	46	24.000			720	9.330	1.840.548	3.600	340.548		340.548
19	47	24.000			720	10.245	1.858.976	3.600	358.976		358.976
20	48	24.000			720	11.160	1.876.579	3.600	376.579		376.579

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 8 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra





# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	49	24.000			720	12.015	1.893.412	3.600	393.412		393.412
22	50	24.000			720	13.545	1.908.796	3.600	408.796		408.796
23	51	24.000			720	14.820	1.922.978	3.600	422.978		422.978
24	52	24.000			720	16.785	1.935.260	3.600	435.260		435.260
25	53	24.000			720	18.525	1.945.859	3.600	445.859		445.859
26	54	24.000			720	20.280	1.954.752	3.600	454.752		454.752
27	55	24.000			720	23.130	1.960.831	3.600	460.831		460.831
28	56	24.000			720	25.125	1.964.940	3.600	464.940		464.940
29	57	24.000			720	27.825	1.966.363	3.600	466.363		466.363
30	58	24.000			720	30.105	1.965.506	3.600	465.506		465.506
31	59	24.000			720	31.635	1.963.111	3.600	463.111		463.111
32	60	24.000			720	34.410	1.957.922	3.600	457.922		457.922
33	61	24.000			720	36.615	1.950.495	3.600	450.495		450.495
34	62	24.000			720	39.150	1.940.490	3.600	440.490		440.490
35	63	24.000			720	43.200	1.926.373	3.600	426.373		426.373
36	64	24.000			720	47.355	1.908.020	3.600	408.020		408.020
37	65	24.000			720	62.490	1.874.399	3.600	374.399		374.399
38	66	24.000			720	69.720	1.833.361	3.600	333.361		333.361
39	67	24.000			720	71.595	1.790.237	3.600	290.237		290.237
40	68	24.000			720	73.080	1.745.408	3.600	245.408		245.408

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 9 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	69	24.000			720	81.615	1.691.797	3.600	191.797		191.797
42	70	24.000			720	84.870	1.634.655	3.600	134.655		134.655
43	71	24.000			720	100.830	1.561.223	3.600	61.223		61.223
44	72								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 10 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	29	24.000			20.760	4.245	1.500.000				
2	30	24.000			19.560	4.215	1.500.000				
3	31	24.000			8.780	4.245	1.510.956		10.956		10.956
4	32	24.000			480	4.335	1.531.759		31.759		31.759
5	33	24.000			480	4.560	1.556.371	3.000	56.371		56.371
6	34	24.000			480	4.785	1.581.983	3.000	81.983		81.983
7	35	24.000			480	5.010	1.608.645	3.000	108.645		108.645
8	36	24.000			500	5.220	1.636.404	3.000	136.404		136.404
9	37	24.000			600	5.505	1.665.155	3.000	165.155		165.155
10	38	24.000			600	5.790	1.695.651	3.600	195.651		195.651
11	39	24.000			600	6.120	1.727.333	3.600	227.333		227.333
12	40	24.000			600	6.450	1.760.260	3.600	260.260		260.260
13	41	24.000			620	6.795	1.794.459	3.600	294.459		294.459
14	42	24.000			720	7.200	1.829.849	3.600	329.849		329.849
15	43	24.000			720	7.635	1.866.562	3.600	366.562		366.562
16	44	24.000			720	8.205	1.904.525	3.600	404.525		404.525
17	45	24.000			720	8.745	1.943.832	3.600	443.832		443.832
18	46	24.000			720	9.330	1.984.503	3.600	484.503		484.503
19	47	24.000			720	10.245	2.026.269	3.600	526.269		526.269
20	48	24.000			720	11.160	2.069.183	3.600	569.183		569.183

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
 Đại lý bảo hiểm:  
 Mã số đại lý:  
 Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 11 | 22**

Phiên bản  
 Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	49	24.000			720	12.015	2.113.365	3.600	613.365		613.365
22	50	24.000			720	13.545	2.158.185	3.600	658.185		658.185
23	51	24.000			720	14.820	2.203.936	3.600	703.936		703.936
24	52	24.000			720	16.785	2.249.957	3.600	749.957		749.957
25	53	24.000			720	18.525	2.296.493	3.600	796.493		796.493
26	54	24.000			720	20.280	2.343.553	3.600	843.553		843.553
27	55	24.000			720	23.130	2.390.040	3.600	890.040		890.040
28	56	24.000			720	25.125	2.436.802	3.600	936.802		936.802
29	57	24.000			720	27.825	2.483.130	3.600	983.130		983.130
30	58	24.000			720	30.105	2.529.432	3.600	1.029.432		1.029.432
31	59	24.000			720	31.635	2.576.479	3.600	1.076.479		1.076.479
32	60	24.000			720	34.410	2.623.029	3.600	1.123.029		1.123.029
33	61	24.000			720	36.615	2.669.642	3.600	1.169.642		1.169.642
34	62	24.000			720	39.150	2.715.982	3.600	1.215.982		1.215.982
35	63	24.000			720	43.200	2.760.480	3.600	1.260.480		1.260.480
36	64	24.000			720	47.355	2.802.937	3.600	1.302.937		1.302.937
37	65	24.000			720	62.490	2.831.975	3.600	1.331.975		1.331.975
38	66	24.000			720	69.720	2.855.040	3.600	1.355.040		1.355.040
39	67	24.000			720	71.595	2.877.333	3.600	1.377.333		1.377.333
40	68	24.000			720	73.080	2.899.216	3.600	1.399.216		1.399.216

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 12 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	69	24.000			720	81.615	2.913.428	3.600	1.413.428		1.413.428
42	70	24.000			720	84.870	2.925.009	3.600	1.425.009		1.425.009
43	71	24.000			720	100.830	2.920.780	3.600	1.420.780		1.420.780
44	72	24.000			720	109.110	2.907.836	3.600	1.407.836		1.407.836
45	73	24.000			720	119.475	2.883.602	3.600	1.383.602		1.383.602
46	74	24.000			720	130.890	2.846.434	3.600	1.346.434		1.346.434
47	75	24.000			720	106.680	2.832.269	3.600	1.332.269		1.332.269
48	76	24.000			720	95.040	2.829.348	3.600	1.329.348		1.329.348
49	77	24.000			720	81.045	2.840.653	3.600	1.340.653		1.340.653
50	78	24.000			720	86.400	2.847.023	3.600	1.347.023		1.347.023
51	79	24.000			720	91.800	2.848.168	3.600	1.348.168		1.348.168
52	80	24.000			720	97.260	2.843.762	3.600	1.343.762		1.343.762
53	81	24.000			720	102.720	2.833.530	3.600	1.333.530		1.333.530
54	82	24.000			720	109.110	2.816.224	3.600	1.316.224		1.316.224
55	83	24.000			720	116.025	2.790.952	3.600	1.290.952		1.290.952
56	84	24.000			720	123.045	2.757.207	3.600	1.257.207		1.257.207
57	85	24.000			720	130.125	2.714.505	3.600	1.214.505		1.214.505
58	86	24.000			720	142.170	2.657.299	3.600	1.157.299		1.157.299
59	87	24.000			720	160.080	2.578.842	3.600	1.078.842		1.078.842
60	88	24.000			720	183.420	2.472.494	3.600	972.494		972.494

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 13 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	89	24.000			720	213.585	2.329.853	3.600	829.853		829.853
62	90	24.000			720	286.485	2.105.220	3.600	605.220		605.220
63	91	24.000			720	398.085	1.754.755	3.600	254.755		254.755
64	92								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 14 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	29	24.000			20.760	4.245	1.500.000				
2	30	24.000			19.560	4.215	1.500.000				
3	31	24.000			8.780	4.245	1.511.110		11.110		11.110
4	32	24.000			480	4.335	1.532.247		32.247		32.247
5	33	24.000			480	4.560	1.557.419	3.000	57.419		57.419
6	34	24.000			480	4.785	1.583.870	3.000	83.870		83.870
7	35	24.000			480	5.010	1.611.675	3.000	111.675		111.675
8	36	24.000			500	5.220	1.640.912	3.000	140.912		140.912
9	37	24.000			600	5.505	1.671.505	3.000	171.505		171.505
10	38	24.000			600	5.790	1.704.239	3.600	204.239		204.239
11	39	24.000			600	6.120	1.738.597	3.600	238.597		238.597
12	40	24.000			600	6.450	1.774.676	3.600	274.676		274.676
13	41	24.000			620	6.795	1.812.543	3.600	312.543		312.543
14	42	24.000			720	7.200	1.852.161	3.600	352.161		352.161
15	43	24.000			720	7.635	1.893.706	3.600	393.706		393.706
16	44	24.000			720	8.205	1.937.156	3.600	437.156		437.156
17	45	24.000			720	8.745	1.982.656	3.600	482.656		482.656
18	46	24.000			720	9.330	2.030.281	3.600	530.281		530.281
19	47	24.000			720	10.245	2.079.820	3.600	579.820		579.820
20	48	24.000			720	11.160	2.131.387	3.600	631.387		631.387

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 15 | 22**

Phiên bản  
Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	49	24.000			720	12.015	2.185.165	3.600	685.165		685.165
22	50	24.000			720	13.545	2.240.590	3.600	740.590		740.590
23	51	24.000			720	14.820	2.298.025	3.600	798.025		798.025
24	52	24.000			720	16.785	2.356.878	3.600	856.878		856.878
25	53	24.000			720	18.525	2.417.465	3.600	917.465		917.465
26	54	24.000			720	20.280	2.479.877	3.600	979.877		979.877
27	55	24.000			720	23.130	2.543.091	3.600	1.043.091		1.043.091
28	56	24.000			720	25.125	2.608.039	3.600	1.108.039		1.108.039
29	57	24.000			720	27.825	2.674.097	3.600	1.174.097		1.174.097
30	58	24.000			720	30.105	2.741.765	3.600	1.241.765		1.241.765
31	59	24.000			720	31.635	2.811.914	3.600	1.311.914		1.311.914
32	60	24.000			720	34.410	2.883.407	3.600	1.383.407		1.383.407
33	61	24.000			720	36.615	2.956.914	3.600	1.456.914		1.456.914
34	62	24.000			720	39.150	3.032.214	3.600	1.532.214		1.532.214
35	63	24.000			720	43.200	3.107.853	3.600	1.607.853		1.607.853
36	64	24.000			720	47.355	3.183.740	3.600	1.683.740		1.683.740
37	65	24.000			720	62.490	3.248.559	3.600	1.748.559		1.748.559
38	66	24.000			720	69.720	3.309.803	3.600	1.809.803		1.809.803
39	67	24.000			720	71.595	3.372.787	3.600	1.872.787		1.872.787
40	68	24.000			720	73.080	3.438.017	3.600	1.938.017		1.938.017

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 16 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra





# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	69	24.000			720	81.615	3.498.351	3.600	1.998.351		1.998.351
42	70	24.000			720	84.870	3.558.945	3.600	2.058.945		2.058.945
43	71	24.000			720	100.830	3.606.701	3.600	2.106.701		2.106.701
44	72	24.000			720	109.110	3.648.775	3.600	2.148.775		2.148.775
45	73	24.000			720	119.475	3.682.675	3.600	2.182.675		2.182.675
46	74	24.000			720	130.890	3.706.827	3.600	2.206.827		2.206.827
47	75	24.000			720	106.680	3.757.417	3.600	2.257.417		2.257.417
48	76	24.000			720	95.040	3.823.057	3.600	2.323.057		2.323.057
49	77	24.000			720	81.045	3.907.082	3.600	2.407.082		2.407.082
50	78	24.000			720	86.400	3.990.621	3.600	2.490.621		2.490.621
51	79	24.000			720	91.800	4.073.598	3.600	2.573.598		2.573.598
52	80	24.000			720	97.260	4.155.918	3.600	2.655.918		2.655.918
53	81	24.000			720	102.720	4.237.541	3.600	2.737.541		2.737.541
54	82	24.000			720	109.110	4.317.466	3.600	2.817.466		2.817.466
55	83	24.000			720	116.025	4.395.048	3.600	2.895.048		2.895.048
56	84	24.000			720	123.045	4.470.040	3.600	2.970.040		2.970.040
57	85	24.000			720	130.125	4.542.222	3.600	3.042.222		3.042.222
58	86	24.000			720	142.170	4.606.303	3.600	3.106.303		3.106.303
59	87	24.000			720	160.080	4.655.742	3.600	3.155.742		3.155.742
60	88	24.000			720	183.420	4.684.055	3.600	3.184.055		3.184.055

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 17 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	89	24.000			720	213.585	4.682.931	3.600	3.182.931		3.182.931
62	90	24.000			720	286.485	4.606.490	3.600	3.106.490		3.106.490
63	91	24.000			720	398.085	4.410.269	3.600	2.910.269		2.910.269
64	92	24.000			720	564.675	4.030.318	3.600	2.530.318		2.530.318
65	93	24.000			720	918.615	3.262.230	3.600	1.762.230		1.762.230
66	94	24.000			720	1.023.825	2.339.457	3.600	839.457		839.457
67	95								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 18 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BÙNG SỨC SỐNG 10+ CÙNG VITALITY

## MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

### Lưu ý chung:

- Với mức phí bảo hiểm mà Khách hàng dự kiến tham gia, STBH có thể dao động linh hoạt phụ thuộc vào hệ số bảo hiểm tối thiểu, tối đa theo độ tuổi của NĐBH. Theo đó, với lựa chọn tối đa STBH thì phí bảo hiểm rủi ro có xu hướng tăng lên, tác động giảm GTTK hợp đồng, ảnh hưởng đến yếu tố tích lũy, cũng như thời gian duy trì hiệu lực hợp đồng. Vì sản phẩm bảo hiểm là một cam kết dài hạn và nhằm mục đích cân bằng giữa nhu cầu bảo vệ và tích lũy cũng như khả năng đóng phí, Khách hàng có thể yêu cầu Đại lý/Tư vấn viên minh họa thời gian dự kiến đóng phí khác nhau (ví dụ 10, 15, 20 năm hoặc tùy theo khả năng) với STBH mong muốn để có thông tin về GTTK hợp đồng, thời gian duy trì hiệu lực hợp đồng tại các mức lãi suất minh họa, từ đó cân nhắc và có sự điều chỉnh phù hợp với mục tiêu bảo vệ, tích lũy.*
- Giá trị tài khoản đóng thêm, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì đóng phí được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.*
- (\*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.*
- Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.*
- Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chi mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn).*
- Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.*
- Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.*

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 19 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# MINH HỌA THƯỞNG GIA TĂNG BẢO VỆ CỦA AIA VITALITY

“Chương Trình AIA Vitality Việt Nam” là một chương trình do Công ty TNHH AIA Sức Sống Mới (Việt Nam) triển khai nhằm giúp người dùng lựa chọn lối sống khoẻ mạnh hơn thông qua các công cụ, hỗ trợ và kích lệ nhằm khuyến khích những thói quen tích cực như thường xuyên vận động, chế độ dinh dưỡng lành mạnh và kiểm tra sức khỏe định kỳ.

## Cách tính điểm và Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality?

Các bảng minh họa dưới đây có mục đích minh họa nhằm thể hiện Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality trong 6 năm hợp đồng đầu tiên dựa trên Hạng Thành Viên Vitality cao nhất và thấp nhất của Người được bảo hiểm (NDBH). Trong đó, Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ sẽ được tính toán theo Hạng Thành Viên AIA Vitality mà Khách hàng đạt được vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng.

Khách hàng sẽ không được nhận Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ nếu Tư cách Thành Viên AIA Vitality của NDBH bị mất hiệu lực/chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.

### 1. Minh họa tình huống với quyền lợi cao nhất

- Giả sử NDBH duy trì hiệu lực Tư cách Thành Viên và đạt được Hạng Thành Viên AIA Vitality "Bạch kim" (tức là trạng thái cao nhất) vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng, bắt đầu từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ nhất.
- NDBH đạt được Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ ở mức tối đa là 40% từ năm hợp đồng thứ 3 trở đi.

Đơn vị: ngàn đồng

Năm hợp đồng	% Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ	Mức thay đổi của Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ theo Hạng Thành Viên AIA Vitality	% Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ của năm hợp đồng hiện tại (A)	STBH hiện tại (B)	Giá trị Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality (C) = (A) * (B)	Giá trị tài khoản của hợp đồng (tại mức lãi suất cam kết) (D)	Quyền lợi TTTB&VV/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong (E) = (B) + (C) + (D)
1	-	-	20%	1.500.000	300.000	0	1.800.000
2	20%	Cộng 10%	30%	1.500.000	450.000	0	1.950.000
3	30%	Cộng 10%	40%	1.500.000	600.000	10.655	2.110.655
4	40%	Cộng 10%	40%	1.500.000	600.000	30.482	2.130.482
5	40%	Cộng 10%	40%	1.500.000	600.000	53.477	2.153.477
6	40%	Cộng 10%	40%	1.500.000	600.000	76.331	2.176.331

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 20 | 22**

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



# MINH HỌA THƯỞNG GIA TĂNG BẢO VỆ CỦA AIA VITALITY

## 2. Minh họa tình huống với quyền lợi thấp nhất

- Giả sử NĐBH duy trì hiệu lực Tư cách Thành Viên và đạt được Hạng Thành Viên AIA Vitality "Đồng" (tức là trạng thái thấp nhất) vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng, bắt đầu từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ nhất.
- Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ bị giảm 5% mỗi năm và giảm mức tối thiểu là 0% từ Năm hợp đồng thứ 5.

Đơn vị: ngàn đồng

Năm hợp đồng	% Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ	Mức thay đổi của Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ theo Hạng Thành Viên AIA Vitality	% Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ của năm hợp đồng hiện tại (A)	STBH hiện tại (B)	Giá trị Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality (C) = (A) * (B)	Giá trị tài khoản của hợp đồng (tại mức lãi suất cam kết) (D)	Quyền lợi TTTB&VV/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong (E) = (B) + (C) + (D)
1	-	-	20%	1.500.000	300.000	0	1.800.000
2	20%	Trừ 5%	15%	1.500.000	225.000	0	1.725.000
3	15%	Trừ 5%	10%	1.500.000	150.000	10.655	1.660.655
4	10%	Trừ 5%	5%	1.500.000	75.000	30.482	1.605.482
5	5%	Trừ 5%	0%	1.500.000	0	53.477	1.553.477
6	0%	Trừ 5%	0%	1.500.000	0	76.331	1.576.331

### Lưu ý:

- Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality chỉ được xem xét khi Tư cách thành viên của chương trình AIA Vitality còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality chỉ áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm chính này. Quyền lợi này không được mở rộng cho bất kỳ sản phẩm chính khác hoặc sản phẩm bổ sung nào khác trừ khi được quy định cụ thể.
- Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ được giới hạn ở mức tối đa 40% và tối thiểu là 0%.
- Giá trị của từng quyền lợi phụ thuộc vào Số tiền bảo hiểm, có thể được tăng thêm nếu được AIA Việt Nam chấp thuận.
- NĐBH phải là Thành Viên AIA Vitality để được hưởng Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality.
- AIA Vitality sẽ tính phí thường niên và thành viên phải gia hạn Tư cách Thành Viên AIA Vitality hàng năm để được hưởng Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality trong các Năm hợp đồng tiếp theo.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 22

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

# XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung Bùng Sức Sống 10+ cùng Vitality - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất đóng thêm vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu trong những năm hợp đồng đầu tiên lần lượt là 3,5%/năm; 3,0%/năm; 3,0%/năm; 2,0%/năm; 2,0%/năm; từ năm hợp đồng thứ 6 đến 10 là 1,5%/năm; từ năm hợp đồng 11 đến 15 là 1,0% và bằng 0,5%/năm từ năm hợp đồng thứ 16 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo.
- Tham gia Hợp đồng **Bảo hiểm Liên kết chung Bùng Sức Sống 10+ cùng Vitality - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi phí bảo hiểm cơ bản sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/  
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung Bùng Sức Sống 10+ cùng Vitality - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

**Trang 22 | 22**

Mã số đại lý:

Phiên bản

Ngày giờ lập:

Dãy số kiểm tra